

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HC-ST

Ngày 26-9-2022

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong việc cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng;
2. Ông Mai Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 19/2022/TLST-HC ngày 26/4/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HC ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà M, đường B, tổ 8, khu phố T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B (theo Giấy ủy quyền số 11/UQ-UBND ngày 09/5/2022); có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. V tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số T đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện hợp pháp:* Ông B, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh V thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền số 3091/VPĐKĐĐ-TCHC ngày 05/9/2022 của V tỉnh Bình Dương); có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà Y đường R, khu phố T, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà M, đường B, tổ E, khu phố W, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.4. Ông V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà K, đường B, tổ Y, khu phố F, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.5. Ông N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà K, đường B, tổ O, khu phố G, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.6. Ông C, sinh năm 1978; địa chỉ: Số L, tổ I, ấp K, xã An, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đ (gọi tắt là ông Đ) trình bày:* Ông Đ hiện đang sử dụng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 (hợp từ các thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 30, 31, 32, 33, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 71, 72, 73, 74, 75) với diện tích 15.761m² tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất được nhận tặng cho của bà P (mẹ ruột ông Đ), được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB952155, sổ vào sổ H755 ngày 31/5/2005, cập nhật biến động cấp cho ông Đ ngày 08/12/2011. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận thì cấp trùng các thửa đất như sau: Cấp trùng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 49 với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00885 QSDĐ/3868/QĐ-UB ngày 23/6/2004 của hộ bà H (hiện ông C đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Cấp trùng một phần thửa đất số 307, tờ bản đồ số 49 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03260 ngày 06/11/2009 của bà T, cụ thể là thửa số 73, 74. Cấp trùng một phần thửa đất số 738, tờ bản đồ số 09 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01090 QSDĐ/5711/QĐ-UB ngày 13/8/2004 của bà N, cụ thể là tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49; hiện trùng với một phần thửa đất số 1407 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01733 ngày 15/10/2020 của ông V và một phần thửa đất số 1408 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01732 ngày 15/10/2020 của ông N.

Ngoài ra, theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý của Chi nhánh V thị xã B lập ngày 16/7/2021 thì ông Đ chỉ quản lý sử dụng một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 với diện tích khoảng 10.477,3m², phần diện tích còn lại thực tế ông Đ không quản lý sử dụng mà do bà T, ông V, ông N, ông C và ông D quản lý sử dụng.

Do đó, ông Đ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ủy ban nhân dân thị xã B thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB952155 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/5/2005 cho hộ bà P, điều chỉnh biến động ngày 08/12/2011 cấp cho ông Đ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ theo đúng hiện trạng thực tế đang quản lý sử dụng.

** Tại Văn bản nêu ý kiến số 2307/UBND-NC ngày 30/6/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã B trình bày:* Ngày 20/12/2004, bà P có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với tổng diện tích 2.537.954m² gồm: 26 thửa đất (thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 30, 31, 32, 33, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 71, 72, 73, 74, 75; các thửa đất trên hợp thành thửa 142, tờ bản đồ số 49; thửa đất số 176, tờ bản đồ số 08 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 02). Nguồn gốc do khai phá năm 1975. Đất tọa lạc tại thị trấn M, đơn được Ủy ban nhân dân thị trấn M xác nhận ngày 28/12/2004, Phòng Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn và Địa chính xác nhận ngày 17/5/2005. Ngày 31/5/2005, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 cho hộ bà P với diện tích sử dụng là 15.761m² tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 thị trấn M.

Ngày 18/10/2011, bà P lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đ tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 (hợp đồng được Văn phòng Công chứng M công chứng số 001522, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/10/2011. Ngày 08/12/2011, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biên động sang tên ông Đ tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 cấp cho hộ bà P.

Qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan và kết quả kiểm tra hiện trạng đối với thửa đất số 142 (được hợp từ các thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 30, 31, 32, 33, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 71, 72, 73, 74, 75), tờ bản đồ số 49, tọa lạc thị trấn M nhận thấy:

Thửa đất số 32 hiện do ông C đang quản lý sử dụng, được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS23357.

Thửa đất số 73, 74 hiện do bà T đang quản lý sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03260 ngày 06/11/2009.

Thửa đất số 33 hiện do ông V đang quản lý sử dụng một phần, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01733 ngày 15/10/2010 và một phần do ông N đang quản lý sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01732 ngày 15/10/2010.

Thửa đất số 45 hiện do ông D đang quản lý sử dụng.

Qua làm việc, ông Đ cho biết các thửa đất số 32, 33, 45, 73, 74 (thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49) hiện ông Đ không quản lý sử dụng mà do các ông, bà: C, V, N, T, D đang quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P tại thửa đất số 32, 33, 45, 73, 74 (thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49) là không đúng đối tượng sử dụng đất. Hiện ông Đ đã nhận tặng cho các thửa đất này từ bà P, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biên động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 của hộ bà P. Do đó, nội dung ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB952155 (sổ vào sổ H755) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/5/2005 cho hộ bà P, điều chỉnh biên động ngày 08/12/2011 cấp cho ông Đ là có cơ sở. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã điều chỉnh biên động tặng cho ông Đ. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì việc xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết yêu cầu của ông Đ theo quy định.

* *Tại Văn bản số 1971/CNBC-TTHC ngày 07/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan V tỉnh Bình Dương trình bày:* Liên quan đến nội dung ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 952155, sổ vào sổ H755 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 31/5/2005 cho hộ bà P, biên động ngày 08/12/2011 cấp cho ông Đ. Trước đó, Chi nhánh V thị xã B đã có Văn bản số 337/CNBC-TTHC ngày 24/02/2022 trả lời và hướng dẫn đơn của ông Đ (nội dung đơn ông Đ đề nghị thu hồi, cấp lại giấy chứng nhận do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất). Tại văn bản trên, Chi nhánh đã rà soát có ý kiến đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm

2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì việc xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Nay đại diện theo ủy quyền của V tỉnh Bình Dương kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết yêu cầu của ông Đ theo quy định, đồng thời xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:* Bà T đang quản lý sử dụng thửa đất số 307, tờ bản đồ số 49, diện tích 9.539m², được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03260 ngày 06/11/2009. Phần đất này, bà T đã sử dụng ổn định từ trước năm 1975, giáp ranh với đất ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên sử dụng đất ổn định, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với nhau nên việc ông Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ để cấp lại theo đúng thực tế các bên đang quản lý sử dụng là đúng. Bà T thống nhất với mảnh trích lục địa chính do Chi nhánh V thị xã B thực hiện ngày 16/7/2021, bà T có chứng kiến việc đo đạc này. Việc ông Đ khởi kiện là để thực hiện thủ tục hành chính điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình nên bà T thống nhất, đề nghị Tòa án xem xét để giải quyết yêu cầu của ông Đ. Về phần đất của bà T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T đang quản lý sử dụng ổn định nên không có nhu cầu gì khác. Bà T không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và giải quyết vắng mặt bà T trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D trình bày:* Ông D quản lý sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 49, trồng cao su từ năm 2002 cho đến nay. Phần đất này giáp ranh với đất của ông Đ và bà K (nay đã chuyển nhượng lại cho ông C). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đ thì có thửa đất số 45, nhưng thực tế ông D là người đang quản lý sử dụng, có ranh giới rõ ràng với đất của các hộ liền kề, không tranh chấp với nhau. Việc ông Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để cấp lại theo đúng thực tế đang sử dụng là phù hợp. Thửa đất số 45 hiện tại ông D đang làm thủ tục để Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đến nay chưa được cấp. Do đó, ông D đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thực tế đang quản lý sử dụng và để ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 45. Ông D thống nhất với mảnh trích lục địa chính do Chi nhánh V thị xã B thực hiện ngày 16/7/2021, ông D có chứng kiến việc đo đạc này. Ông D không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V có văn bản nêu ý kiến và đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như sau:* Ông V có phần đất giáp ranh với phần đất của ông Đ đang khởi kiện quyết định hành chính, đất của ông V đã có cột mốc rõ ràng, không có ý kiến gì trong vụ việc này và đề nghị Tòa án không triệu tập ông V tham gia tố tụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N có văn bản nêu ý kiến và đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như sau:* Ông L có phần đất giáp ranh với phần đất của ông Đ đang khởi kiện quyết định hành chính, đất của ông L đã có cột mốc rõ ràng, không có ý kiến gì trong vụ việc này và đề nghị Tòa án không triệu tập ông L tham gia tố tụng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C có văn bản nêu ý kiến và đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như sau:* Việc ông Đ khởi kiện là để thực hiện thủ tục hành chính, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông C cũng thống nhất, không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông Đ. Về phần đất của ông C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C đang quản lý, canh tác ổn định nên không có yêu cầu gì khác. Ông C đề nghị Tòa án không triệu tập ông C tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 952155, sổ vào sổ H755 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/5/2005 cho hộ bà P, điều chỉnh biến động ngày 08/12/2011 cấp cho ông Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thủ tục và thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/02/2022, Chi nhánh V thị xã B có Văn bản số 337/CNBC-THHC về việc trả lời và hướng dẫn đơn của ông Đ nên ông Đ biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 952155, sổ vào sổ H755 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà P ngày 31/5/2005, điều chỉnh biến động ngày 08/12/2011 cấp cho ông Đ là có sai sót trong việc xác định số thửa và diện tích thực tế sử dụng. Ngày 25/02/2022, ông Đ làm đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Do người đại diện hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ (gọi tắt là ông Đ), nhận thấy: Nguồn gốc đất ông Đ đang sử dụng là của bà P, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 với diện tích 15.761m² tại thửa đất số 142 (hợp từ các thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 30, 31, 32, 33, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 71, 72, 73, 74, 75), tờ bản đồ số 49 thị trấn M. Ngày 18/10/2011, bà P lập hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đ, được Văn phòng Công chứng M công chứng số 001522, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD. Ngày 08/12/2011, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biên động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 cấp cho hộ bà P sang tên ông Đ. Tuy nhiên, theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý của Chi nhánh V thị xã B lập ngày 16/7/2021 thì ông Đ chỉ quản lý sử dụng một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 với diện tích 10.477,3m², phần diện tích còn lại ông Đ không quản lý sử dụng mà do bà T, ông V, ông N, ông C và ông D đang quản lý sử dụng (bút lục 132). Mặt khác, đất của ông Đ với các hộ liên ranh ông D, bà T, ông N, ông V và ông C là có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với nhau.

[4] Tại Văn bản nêu ý kiến số 2307/UBND-NC ngày 30/6/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã B xác định: Việc Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 cho hộ bà P với diện tích 15.761m² tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 49 thị trấn M là có sự sai lệch về diện tích thực tế sử dụng và cấp trùng lên các thửa đất số 32, 33, 45, 73, 74, cụ thể: Thửa đất số 32 hiện do ông C quản lý sử dụng, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS23357; thửa đất số 73, 74 hiện do bà T quản lý sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03260 ngày 06/11/2009; thửa đất số 33 hiện do ông V quản lý sử dụng một phần, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01733 ngày 15/10/2010 và một phần do ông N đang quản lý sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01732 ngày 15/10/2010 và thửa đất số 45 hiện do ông D quản lý sử dụng. Do đó, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 cấp cho hộ bà P, điều chỉnh biên động ngày 08/12/2011 cho ông Đ là có cơ sở (bút lục 133-134).

[5] Tại Văn bản số 337/CNBC-THHC ngày 24/02/2022 “về việc trả lời và hướng dẫn đơn của ông Đ” (bút lục 23-24) và Văn bản số 1971/CNBC-TTHC ngày 07/9/2022 của Chi nhánh V thị xã B “về việc nêu ý kiến trong vụ án khiếu kiện quyết định hành chính” cũng thừa nhận có việc sai sót nêu trên và hướng dẫn ông Đ khởi kiện tại Tòa án để được xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ “sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai”. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H755 ngày 31/5/2005 cấp cho hộ bà P, điều chỉnh biên động ngày 08/12/2011 cho ông Đ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng thực tế ông Đ đang quản lý sử dụng là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông D, bà T và ông C thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ là hoàn toàn phù hợp.

[6] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ; chấp nhận ý kiến của người bị kiện và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được Tòa án chấp nhận nên ông Đ không phải chịu. Ủy ban nhân dân thị xã B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 157, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai*”; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ “*sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai*”; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB952155, sổ vào sổ H755 ngày 31/5/2005 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp cho hộ bà P, cập nhật biến động tại trang 4 ngày 08/12/2011 cho ông Đ. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương thực hiện nhiệm vụ, công vụ cho ông Đ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đ không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000119 ngày 22/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương phải chịu 300.000 đồng.

3. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HC, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Cường